

LỖI CHỮ HÁN TRONG KỸ NĂNG VIẾT TIẾNG TRUNG QUỐC CỦA SINH VIÊN HỆ CHÍNH QUY TẠI HỌC VIỆN CẢNH SÁT NHÂN DÂN

NGUYỄN THỊ HUYỀN TRANG
Học viện Cảnh sát nhân dân

Nhận bài ngày 05/5/2026. Sửa chữa xong 10/6/2026. Duyệt đăng 19/6/2026.

Abstract

Chinese characters constitute a complex logographic writing system and are considered a major challenge for learners of Chinese as a foreign language. Based on surveys of lecturers and students and an analysis of 360 Chinese writing samples produced by full-time students at the People's Police Academy, this study investigates Chinese character errors in writing. The findings reveal that these errors mainly stem from an insufficient understanding of character structure, limited writing practice, and overreliance on pinyin input methods. The study proposes several pedagogical measures to reduce character errors and improve the effectiveness of Chinese character instruction and students' writing proficiency.

Keywords: Chinese characters, Chinese language, errors, full-time programs, students, writing skills.

1. Đặt vấn đề

Với đặc trưng là hệ thống văn tự biểu ý có cấu trúc phức tạp, chữ Hán thường gây nhiều khó khăn cho người học nước ngoài, đặc biệt là sinh viên (SV) Việt Nam vốn quen với hệ thống chữ viết La-tinh. Trong quá trình viết, người học thường mắc các lỗi như sai nét, sai bộ thủ, thừa nét, thiếu nét, sai kết cấu chữ, nhầm lẫn chữ gần giống hoặc chữ đồng âm khác nghĩa. Tại Học viện Cảnh sát nhân dân (CSND), tiếng Trung Quốc là một trong những ngoại ngữ được giảng dạy nhằm đáp ứng yêu cầu học tập, nghiên cứu, công tác và hội nhập quốc tế. Tuy nhiên, thực tế giảng dạy cho thấy lỗi chữ Hán vẫn xuất hiện phổ biến trong các bài viết của SV, ảnh hưởng đến chất lượng sử dụng ngôn ngữ và hiệu quả học tập. Xuất phát từ thực tiễn đó, bài viết tập trung khảo sát thực trạng lỗi chữ Hán trong kỹ năng viết tiếng Trung Quốc của SV hệ chính quy tại Học viện CSND, phân tích nguyên nhân dẫn đến lỗi và đề xuất các giải pháp khắc phục. Kết quả nghiên cứu góp phần nâng cao hiệu quả dạy và học chữ Hán, đồng thời cải thiện năng lực viết tiếng Trung Quốc cho SV.

2. Phương pháp nghiên cứu

Bài viết sử dụng kết hợp phương pháp định lượng và định tính. Về định lượng, nghiên cứu tiến hành thu thập và phân tích 360 bài viết tiếng Trung Quốc của SV hệ chính quy tại Học viện CSND. Từ nguồn dữ liệu này, tổng cộng 1.136 lỗi chữ Hán được ghi nhận và phân loại thành các nhóm: lỗi do nhầm lẫn chữ gần giống nhau; lỗi do thừa nét, thiếu nét; lỗi do viết sai nét, sai bộ thủ; lỗi do viết sai kết cấu chữ; lỗi không nhớ chữ Hán, viết phiên âm; lỗi do nhầm chữ đồng âm khác nghĩa.

Về phương pháp định tính, chúng tôi tiến hành khảo sát ý kiến của giảng viên (GV) và SV về các dạng lỗi chữ Hán thường gặp cũng như nguyên nhân dẫn đến lỗi. Đồng thời, nghiên cứu thực hiện phỏng vấn bán cấu trúc đối với một số GV và SV nhằm làm rõ hơn những kết quả thu được từ khảo sát.

Về cơ sở lý thuyết, bài viết vận dụng lý thuyết Phân tích lỗi của Corder. Corder coi lỗi là những lệch lạc so với chuẩn mực ngôn ngữ đích, phản ánh sự thiếu hụt kiến thức ngôn ngữ hoặc năng lực của người học ở một giai đoạn học tập cụ thể. Điều này có nghĩa là người học chưa được học, chưa biết hoặc hiểu sai kiến thức đó. Theo Corder, lỗi ngôn ngữ không đơn thuần là những sai sót ngẫu nhiên mà phản ánh quá trình hình thành năng lực ngôn ngữ và hệ thống ngôn ngữ trung gian của người học.

Email: huyentrangnguyen2111@gmail.com

Những lỗi này mang tính hệ thống, thường xuyên lặp lại và người học không thể tự phát hiện và sửa chữa (Corder, S. P., 1967, tr. 166-167). Việc phân tích lỗi giúp nhận diện những khó khăn thực sự trong quá trình tiếp thu ngoại ngữ, từ đó đề xuất các biện pháp giảng dạy phù hợp. Trên cơ sở lý thuyết này, nghiên cứu tiến hành nhận diện, phân loại và phân tích các lỗi chữ Hán xuất hiện trong bài viết của SV nhằm xác định đặc điểm, tần suất và nguyên nhân của từng loại lỗi. Các dữ liệu được xử lý bằng phương pháp thống kê mô tả và phân tích lỗi, qua đó xác định tần suất, đặc điểm và nguyên nhân của các lỗi chữ Hán trong kỹ năng viết tiếng Trung Quốc.

3. Nội dung nghiên cứu

3.1. Kết quả khảo sát lỗi chữ Hán trong kĩ năng viết tiếng Trung Quốc của sinh viên

3.1.1. Đánh giá của sinh viên về mức độ khó của chữ Hán

Nhằm tìm hiểu nhận thức của người học đối với chữ Hán, chúng tôi tiến hành khảo sát 360 SV về mức độ khó của chữ Hán. Kết quả khảo sát cho thấy phần lớn SV đánh giá chữ Hán một trong những khó khăn lớn khi học Tiếng Trung Quốc. Trong đó, có 138 SV (38,3%) cho rằng chữ Hán rất khó, trong khi 162 SV (45,0%) đánh giá ở mức khó. Như vậy, tổng cộng có tới 300/360 SV, tương đương 83,3%, nhận định chữ Hán có độ khó cao. Trong khi đó, chỉ có 15,6% SV cho rằng chữ Hán ở mức bình thường và 1,1% đánh giá là dễ. Đáng chú ý, không có SV nào lựa chọn mức độ “rất dễ”. Kết quả này phản ánh sự đồng thuận khá cao của người học về những khó khăn mà họ gặp phải trong quá trình viết chữ Hán. Đánh giá của SV về mức độ khó của chữ Hán hoàn toàn phù hợp với kết quả khảo sát của GV và dữ liệu phân tích sản phẩm viết. Điều này cho thấy những khó khăn mà SV cảm nhận được trong quá trình học tập đã được phản ánh rõ rệt qua chất lượng sản phẩm viết thực tế.

3.1.2. Đánh giá của sinh viên về tần suất mắc lỗi chữ Hán trong bài viết tiếng Trung Quốc

Nhằm tìm hiểu mức độ phổ biến của lỗi chữ Hán trong quá trình học tập, chúng tôi đã khảo sát nhận thức của SV về tần suất mắc lỗi chữ Hán. Kết quả khảo sát cho thấy phần lớn SV thừa nhận thường xuyên gặp khó khăn khi sử dụng chữ Hán trong quá trình viết tiếng Trung Quốc. Cụ thể, có 22,8% SV cho biết họ rất thường xuyên mắc lỗi chữ Hán, trong khi 40,0% SV đánh giá bản thân thường xuyên mắc lỗi. Như vậy, tổng cộng có tới 62,8% SV thừa nhận lỗi chữ Hán xuất hiện với tần suất cao trong các bài viết của mình. Bên cạnh đó, 31,1% SV cho rằng họ thỉnh thoảng mắc lỗi chữ Hán. Chỉ có 6,1% SV lựa chọn mức độ hiếm khi và không có SV nào khẳng định bản thân không bao giờ mắc lỗi chữ Hán trong quá trình viết. Kết quả này phản ánh rằng lỗi chữ Hán là khó khăn mang tính phổ biến đối với người học Tiếng Trung Quốc. Tỷ lệ SV thường xuyên và rất thường xuyên mắc lỗi ở mức cao cho thấy việc ghi nhớ, tái hiện và vận dụng chữ Hán vẫn là một thách thức lớn, ngay cả đối với những SV đã trải qua nhiều học phần Tiếng Trung Quốc.

Từ góc độ tâm lý học ngôn ngữ, kết quả trên cho thấy quá trình chuyển hóa từ nhận biết chữ Hán sang khả năng viết chưa thực sự ổn định. Nhiều SV có thể nhận diện hoặc đọc hiểu chữ Hán nhưng vẫn gặp khó khăn khi phải tự tái hiện chữ viết trong hoạt động sản sinh ngôn ngữ. Đây là đặc điểm phổ biến của người học Tiếng Trung Quốc như một ngoại ngữ, đặc biệt trong bối cảnh việc sử dụng các phương thức nhập liệu bằng pinyin ngày càng phổ biến, làm giảm cơ hội luyện viết tay và củng cố trí nhớ chữ viết.

3.1.3. Quan điểm của sinh viên về lỗi chữ Hán và chính tả trong bài viết tiếng Trung Quốc

Để tìm hiểu nhận thức của SV về lỗi chữ Hán thường gặp trong quá trình viết tiếng Trung Quốc, chúng tôi tiến hành khảo sát SV về các dạng lỗi chữ Hán và chính tả mà SV thường mắc phải. Kết quả khảo sát SV cho thấy nhận thức của người học về lỗi chữ Hán tương đối thống nhất với đánh giá của GV. Lỗi được SV tự đánh giá xuất hiện nhiều nhất là nhầm lẫn các chữ gần giống nhau (73,3%), tiếp theo là lỗi thừa nét hoặc thiếu nét (70,0%) và lỗi nhầm chữ đồng âm khác nghĩa (65,6%). Có tới 52,2% SV thừa nhận từng sử dụng phiên âm thay cho chữ Hán khi không nhớ cách viết. Khi được hỏi về nguyên nhân, phần lớn SV cho rằng họ thiếu thời gian luyện viết và thường xuyên sử dụng phương thức nhập liệu bằng pinyin trên điện thoại hoặc máy tính. Việc phụ thuộc vào công nghệ khiến khả năng ghi nhớ và tái hiện chữ Hán suy giảm đáng kể. Đặc biệt, 78,9% SV cho biết nguyên nhân chủ yếu dẫn đến lỗi là “không nhớ chữ Hán”. Qua phỏng vấn, SV cho biết thường bị nhầm lẫn giữa các bộ thủ, các chữ có hình

dáng gần giống nhau (bộ 丩 (sước) và bộ 𠂔 (dẫn), bộ 亠 (nhân đứng) và bộ 亠 (xích), bộ 士 (sĩ) và bộ 土 (thổ)...) hoặc viết sai nét, thiếu nét ở các chữ Hán phức tạp.

3.1.4. Đánh giá của giảng viên về mức độ lỗi chữ Hán trong bài viết tiếng Trung Quốc của sinh viên

Để có cái nhìn tổng quan về chất lượng bài viết tiếng Trung Quốc của SV, nghiên cứu tiến hành khảo sát ý kiến của GV về mức độ lỗi xuất hiện trong các bài viết. Kết quả khảo sát cho thấy đa số GV nhận định lỗi chữ Hán vẫn xuất hiện với tần suất khá cao trong bài viết của SV. Trong đó, 2/12 GV (16,6%) cho rằng bài viết của SV mắc rất nhiều lỗi, trong khi 5/12 GV (41,7%) đánh giá ở mức nhiều lỗi. Như vậy, có tới 58,3% GV nhận định lỗi chữ Hán xuất hiện với mức độ từ nhiều đến rất nhiều trong các bài viết tiếng Trung Quốc của SV.

Bên cạnh đó, 5/12 GV (41,7%) đánh giá số lượng lỗi ở mức trung bình và không có GV nào cho rằng SV chỉ mắc ít lỗi. Kết quả này phản ánh rằng lỗi chữ Hán vẫn là một trở ngại đáng kể đối với người học, đồng thời cho thấy chất lượng sử dụng chữ Hán trong hoạt động viết chưa đáp ứng được yêu cầu của chương trình đào tạo.

3.1.5. Quan điểm của giảng viên về lỗi chữ Hán và chính tả trong bài viết của sinh viên

Để đánh giá thực trạng lỗi chữ Hán trong kỹ năng viết tiếng Trung Quốc của SV, nghiên cứu đã tiến hành khảo sát ý kiến của GV trực tiếp giảng dạy các học phần Tiếng Trung Quốc. Kết quả khảo sát cho thấy phần lớn GV đều nhận định lỗi chữ Hán là một trong những nhóm lỗi nổi bật nhất trong các bài viết tiếng Trung Quốc của SV. Lỗi được ghi nhận nhiều nhất là thiếu nét hoặc thừa nét (91,7%). Theo các GV được phỏng vấn, lỗi này thường xuất hiện ở những chữ có số lượng nét lớn hoặc cấu trúc phức tạp. Điều đó phản ánh việc SV chưa nắm vững quy tắc bút thuận và chưa hình thành được biểu tượng chữ viết ổn định trong trí nhớ.

Hai dạng lỗi có tỷ lệ cao tiếp theo là nhầm lẫn chữ gần giống nhau và nhầm chữ đồng âm khác nghĩa (83,3%). Đây là những lỗi liên quan trực tiếp đến đặc điểm hình thể và ngữ âm của chữ Hán. Trong khi đó, lỗi viết sai bộ thủ chiếm 75%, cho thấy người học chưa hiểu rõ chức năng biểu nghĩa của bộ thủ trong cấu tạo chữ. Đáng chú ý, có tới 58,3% GV cho biết SV thường thay thế chữ Hán bằng phiên âm pinyin khi không nhớ cách viết. Bên cạnh đó, 66,7% GV ghi nhận SV mắc lỗi sử dụng dấu câu tiếng Trung Quốc, phản ánh sự giao thoa tiêu cực giữa tiếng mẹ đẻ và ngoại ngữ.

3.1.6. Thực trạng lỗi chữ Hán trong sản phẩm viết của sinh viên

Qua khảo sát 360 bài viết của SV, chúng tôi thu được 1.136 lỗi chữ Hán. Để làm rõ đặc điểm của nhóm lỗi này, chúng tôi tiến hành phân loại lỗi chữ Hán thành 6 tiểu nhóm lỗi khác nhau. Kết quả được trình bày tại bảng thống kê sau đây:

Bảng thống kê các lỗi chữ Hán trong bài viết

Loại lỗi	Số lượng	Tỷ lệ (%)
Lỗi do nhầm lẫn chữ gần giống nhau	108	9,51
Lỗi do viết thừa nét, thiếu nét	320	28,17
Lỗi do viết sai nét, sai bộ thủ	352	30,99
Lỗi do viết sai kết cấu chữ	264	23,24
Lỗi không nhớ chữ Hán, viết phiên âm	56	4,93
Lỗi do nhầm chữ đồng âm khác nghĩa	36	3,17
Tổng cộng	1136	100

Kết quả khảo sát cho thấy các lỗi liên quan đến cấu trúc hình thể chữ Hán chiếm tỷ lệ cao nhất, bao gồm lỗi viết sai nét, sai bộ thủ (30,99%), lỗi thừa nét, thiếu nét (28,17%) và lỗi sai kết cấu chữ (23,24%). Kết quả này tương đồng với nghiên cứu của Thôi Vĩnh Hoa (崔永华) về lỗi chữ Hán của người học tiếng Trung Quốc không phải người bản ngữ. Nghiên cứu chỉ ra rằng lỗi liên quan đến nét chữ là nhóm lỗi nổi bật nhất, trong đó người học thường mắc các lỗi về hình dạng (cấu tạo, nét, bộ thủ), quan hệ kết hợp giữa các nét và xuất hiện những nét không tồn tại trong chữ Hán (Thôi Vĩnh Hoa, 2008, tr. 210-225). Đây là lỗi không xuất hiện trong các ngôn ngữ sử dụng chữ cái La-tinh.

Lỗi viết sai nét, sai bộ: Đây là nhóm lỗi có tỷ lệ cao nhất trong các lỗi chữ Hán, chiếm 30,99%. SV thường viết sai một hoặc nhiều nét, thay đổi bộ phận cấu thành làm biến dạng chữ và thay đổi ý nghĩa của chữ viết. Theo Trần Tuệ Linh (陈慧玲) và Trang Nhụy Trân (庄蕊珍), các lỗi nét chữ thường xuất phát từ việc người học chưa nắm vững quy tắc cấu tạo chữ Hán và thiếu sự hiểu biết về mối quan hệ giữa các thành tố cấu thành chữ (Trần Tuệ Linh & Trang Nhụy Trân, 2021, tr. 59-60). Nhận định này phù hợp với kết quả phỏng vấn trong nghiên cứu hiện tại khi nhiều SV cho biết họ thường nhầm lẫn giữa các bộ thủ hoặc không ghi nhớ chính xác số lượng và vị trí các nét trong những chữ Hán có cấu trúc phức tạp. Có thể kể đến một số lỗi sai tiêu biểu trong nhóm lỗi này như sau:

Viết sai	Viết đúng	Ý nghĩa	Viết sai	Viết đúng	Ý nghĩa
	学生	Học sinh		食堂	Nhà ăn
	哪	Đâu, nào		警察	Cảnh sát
	吃	Ăn		现在	Hiện tại

Lỗi thừa nét, thiếu nét: Nhóm lỗi này chiếm 28,17%. Lỗi thường xuất hiện khi SV viết nhanh hoặc không ghi nhớ chính xác hình thể chữ Hán. Mặc dù chỉ thiếu hoặc thừa một nét nhưng có thể làm thay đổi hoàn toàn chữ viết và gây khó khăn cho người đọc. Một số lỗi tiêu biểu:

Viết sai	Viết đúng	Ý nghĩa	Viết sai	Viết đúng	Ý nghĩa
	远	Xa		级	Cấp, bậc
	有	Có		同学	Bạn học

Lỗi sai kết cấu chữ: Lỗi sai kết cấu chữ chiếm 23,24%. Đặc điểm của nhóm lỗi này là SV viết đủ các bộ phận cấu thành nhưng sắp xếp sai vị trí hoặc sai quan hệ không gian giữa các thành tố. Kết quả này cho thấy người học chưa thực sự hiểu nguyên tắc cấu tạo chữ Hán. Lỗi này chiếm tỉ lệ đáng kể, với một số lỗi điển hình sau:

Viết sai	Viết đúng	Ý nghĩa	Viết sai	Viết đúng	Ý nghĩa
	监	Giám (sát)		午	(buổi) trưa
	姓	Họ (tên)		欢	Thích

Lỗi nhầm lẫn chữ gần giống nhau: Lỗi nhầm lẫn chữ gần giống chiếm 9,51%. SV thường nhầm giữa các chữ có hình thể tương tự. Chẳng hạn: 周末 viết thành 周末, 自己 viết thành 自己, 多少 viết thành 多少. Dạng lỗi này xuất phát từ việc người học chỉ ghi nhớ đại khái hình dạng chữ mà chưa chú ý đến những chi tiết khu biệt mang tính quyết định.

Lỗi không nhớ chữ Hán và viết bằng phiên âm P: Nhóm lỗi này chiếm 4,93%. Khi không nhớ cách viết, SV sử dụng trực tiếp pinyin thay cho chữ Hán trong bài viết. Mặc dù tỷ lệ không cao nhưng đây là biểu hiện rõ rệt của sự thiếu hụt vốn chữ viết và phản ánh năng lực sử dụng chữ Hán chưa đáp ứng yêu cầu của hoạt động viết học thuật. Ví dụ:

Lỗi sai	Gợi ý sửa lỗi	Dịch nghĩa
	我叫李越英。	Tôi tên Lý Việt Anh
	我叫裴氏燕。	Tôi tên Bùi Thị Yến

Lỗi nhầm chữ đồng âm khác nghĩa: Đây là nhóm lỗi có tỷ lệ thấp nhất (3,17%). Các lỗi thường gặp gồm nhầm lẫn giữa những chữ có cách phát âm giống hoặc gần giống nhau nhưng khác về hình thức và ý nghĩa. Nguyên nhân chủ yếu là do người học dựa vào âm đọc để lựa chọn chữ viết mà chưa chú ý

đến ngữ cảnh sử dụng. Chẳng hạn:

- a. 勘査 (khám nghiệm) viết thành 勘察 (thăm dò, khảo sát, điều tra thực địa), nhầm chữ 查 với chữ 察.
- b. 现场 (hiện trường) viết thành 现厂 (không có nghĩa), nhầm chữ 场 với chữ 厂.
- c. 管理 (quản lý) viết thành 管里 (trong ống), nhầm chữ 理 với chữ 里.
- d. 他被警察带到派出所。(Anh ấy bị cảnh sát đưa về đồn.) viết thành 他被警察代到派出所。(Không có nghĩa). Nhầm chữ 带 (đưa về) với chữ 代 (đại diện).

Nhìn chung, kết quả phân tích sản phẩm viết cho thấy phần lớn lỗi chữ Hán của SV tập trung vào phương diện cấu trúc hình thể chữ viết. Ba nhóm lỗi gồm viết sai nét, sai bộ thủ; thừa nét, thiếu nét; sai kết cấu chữ chiếm tới 82,40% tổng số lỗi chữ Hán. Điều này cho thấy khó khăn lớn nhất của SV không nằm ở việc hiểu nghĩa của từ mà nằm ở khả năng ghi nhớ, tái hiện và vận dụng chính xác hệ thống chữ Hán trong hoạt động viết. Kết quả này đồng thời xác nhận những nhận định từ khảo sát SV và GV, qua đó khẳng định chữ Hán vẫn là rào cản lớn đối với việc phát triển kỹ năng viết tiếng Trung Quốc của SV Việt Nam.

3.2. Thảo luận

Kết quả nghiên cứu cho thấy có sự tương đồng đáng kể giữa nhận thức của SV, đánh giá của GV và dữ liệu phân tích sản phẩm viết. Dữ liệu thực tế không chỉ xác nhận đánh giá của GV và SV mà còn cho thấy các lỗi liên quan đến cấu trúc hình thể chữ Hán là trở ngại lớn nhất đối với người học. Nguyên nhân của lỗi chữ Hán xuất phát từ nhiều yếu tố khác nhau, bao gồm đặc điểm của hệ thống chữ viết, đặc điểm của người học và tác động của môi trường học tập. Trước hết, chữ Hán là hệ thống văn tự biểu ý có cấu trúc phức tạp, khác biệt đáng kể so với hệ thống chữ Quốc ngữ mà SV đã quen thuộc. Để viết đúng một chữ Hán, người học phải ghi nhớ đồng thời hình thể chữ, số lượng nét, thứ tự nét, bộ thủ, kết cấu không gian và ý nghĩa của từng thành tố cấu tạo. Đây là yêu cầu nhận thức cao hơn nhiều so với việc ghi nhớ hệ thống chữ cái La-tinh. Do đó, các lỗi như sai nét, sai bộ thủ, sai kết cấu chữ hay thừa nét, thiếu nét là khó tránh khỏi trong giai đoạn học tập. Kết quả phỏng vấn cho thấy nhiều SV chưa xây dựng được chiến lược học tập chữ Hán hiệu quả. Phần lớn người học vẫn ghi nhớ chữ theo phương pháp học thuộc lòng, thiếu sự phân tích về cấu tạo chữ và mối liên hệ giữa các thành tố biểu âm, biểu nghĩa. Điều này dẫn đến tình trạng ghi nhớ rời rạc, dễ quên và dễ nhầm lẫn giữa các chữ có hình thức tương tự. Bên cạnh đó, sự phổ biến của các thiết bị điện tử và phụ thuộc vào phiên âm của chữ Hán đã làm giảm đáng kể cơ hội luyện viết tay. Nhiều SV có thể nhận diện hoặc lựa chọn đúng chữ Hán khi gõ máy tính nhưng không thể tự viết lại chính xác bằng tay. Hiện tượng “biết đọc nhưng không biết viết” ngày càng phổ biến, dẫn đến lỗi không nhớ chữ Hán hoặc sử dụng phiên âm thay thế trong bài viết. Mặt khác, thời lượng dành cho việc luyện viết trong chương trình đào tạo còn tương đối hạn chế. Trong khi đó, kỹ năng viết đòi hỏi quá trình luyện tập thường xuyên và lâu dài để hình thành trí nhớ vận động đối với chữ viết. Việc thiếu cơ hội thực hành khiến khả năng tái hiện chữ Hán của SV chưa được củng cố vững chắc.

3.3. Giải pháp khắc phục lỗi chữ Hán trong kỹ năng viết

Những kết quả nghiên cứu trên cho thấy việc nâng cao hiệu quả dạy và học chữ Hán cần được xem là nhiệm vụ trọng tâm trong quá trình phát triển kỹ năng viết tiếng Trung Quốc cho SV. Để giảm thiểu lỗi chữ Hán trong kỹ năng viết tiếng Trung Quốc cần triển khai đồng bộ nhiều giải pháp. Các giải pháp cần được triển khai theo hướng kết hợp giữa nâng cao nhận thức về cấu trúc chữ, tăng cường luyện tập và ứng dụng công nghệ hỗ trợ.

Giải pháp trọng tâm là tăng cường luyện viết tay, kết hợp với phân tích cấu trúc chữ theo bộ, nét và quy tắc bút thuận. Trước hết, GV cần đổi mới phương pháp giảng dạy chữ Hán theo hướng tăng cường phân tích kết cấu chữ. GV không chỉ cung cấp chữ viết mà cần hướng dẫn SV nhận diện và phân tích chữ Hán theo các nguyên tắc cấu tạo cơ bản như hình thanh, hội ý, chỉ sự. Việc làm rõ vai trò của bộ thủ và thành tố biểu âm sẽ giúp SV hiểu được logic nội tại của chữ viết, từ đó giảm thiểu lỗi sai nét, sai bộ và sai cấu trúc chữ. Đồng thời, cần dạy học theo nhóm chữ có cùng bộ thủ hoặc cùng trường nghĩa

nhằm tạo liên kết, hỗ trợ ghi nhớ lâu dài. Bên cạnh đó, cần thiết kế hệ thống bài tập chuyên biệt nhằm xử lý từng dạng lỗi cụ thể. Đối với lỗi thừa nét, thiếu nét và sai kết cấu chữ cần tăng cường luyện viết theo các bước: quan sát, phân tích, tái hiện, kiểm tra viết theo quy tắc bút thuận. Đối với lỗi nhầm lẫn chữ gần giống và chữ đồng âm khác nghĩa cần xây dựng các bài tập so sánh, đối chiếu theo cặp hoặc nhóm chữ, đồng thời đặt trong ngữ cảnh cụ thể để làm rõ sự khác biệt về hình thức và ý nghĩa. Đối với hiện tượng viết phiên âm thay chữ Hán, cần tập trung vào nguyên nhân không nhớ chữ, từ đó tăng tần suất tái hiện từ qua các ngữ cảnh khác nhau thay vì học thuộc đơn lẻ. Nghe và chép lại (chép chính tả) cũng là phương pháp hữu hiệu để khắc phục lỗi sai chữ viết. Một giải pháp quan trọng khác là phát triển chiến lược tự học chữ Hán cho SV. Cần hướng dẫn SV xây dựng “Sổ tay chữ Hán”, trong đó mỗi mục từ bao gồm cấu tạo chữ, phiên âm, ý nghĩa và ví dụ minh họa; ghi lại lỗi sai và phương pháp sửa. Hoạt động này không chỉ giúp hệ thống hóa kiến thức mà còn tạo điều kiện cho việc ôn tập thường xuyên. Đồng thời, cần yêu cầu SV hạn chế tối đa việc sử dụng phiên âm trong bài viết, coi đây là một tiêu chí đánh giá bắt buộc nhằm hình thành thói quen sử dụng chữ Hán. Ngoài ra, việc ứng dụng công nghệ trong giảng dạy và học tập chữ Hán cần được đẩy mạnh. Các phần mềm luyện viết, nhận diện chữ và hệ thống kiểm tra lỗi chính tả có thể hỗ trợ SV trong việc tự kiểm tra. Tích hợp các công cụ này vào quá trình học tập góp phần nâng cao tính tương tác, cá nhân hóa luyện tập theo năng lực của SV. Cuối cùng, cần thường xuyên kiểm tra, đánh giá chữ viết. Việc kết hợp giữa đánh giá của GV và tự đánh giá của SV sẽ giúp kịp thời phát hiện, sửa lỗi sai. Các giải pháp nêu trên nếu được triển khai đồng bộ sẽ góp phần khắc phục hiệu quả nhóm lỗi chính tả, chữ Hán, tạo nền tảng vững chắc cho việc phát triển kỹ năng viết, cũng như các kỹ năng ngôn ngữ khác.

4. Kết luận

Như vậy, lỗi chữ Hán là một trong những lỗi phổ biến của SV hệ chính quy tại Học viện CSND trong quá trình học Tiếng Trung Quốc. Viết sai chữ Hán là hiện tượng rất phổ biến do hệ thống chữ tượng hình phức tạp. SV thường mắc các lỗi như: thừa/thiếu nét, viết nhầm các bộ thủ tương đồng hoặc nhớ mặt chữ nhưng quên cách viết. Nguyên nhân chính do học thiếu hệ thống, viết theo cảm tính hoặc quá phụ thuộc vào phiên âm (pinyin). Lỗi chữ Hán bao gồm: viết sai nét, sai bộ, thừa nét, thiếu nét, sai kết cấu chữ, nhầm chữ gần giống, nhầm chữ đồng âm khác nghĩa và không nhớ chữ Hán. Nguyên nhân của các lỗi chữ Hán xuất phát từ nhiều yếu tố khác nhau, trong đó chủ yếu là việc chưa nắm vững cấu tạo chữ Hán, khả năng ghi nhớ chữ viết còn hạn chế, thiếu thời gian luyện tập... Trên cơ sở kết quả khảo sát, bài viết đã đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả dạy và học chữ Hán. Việc triển khai đồng bộ các giải pháp này không chỉ góp phần giảm thiểu lỗi chữ Hán mà còn nâng cao năng lực viết tiếng Trung Quốc của SV, đáp ứng yêu cầu đào tạo và sử dụng ngoại ngữ trong bối cảnh hội nhập quốc tế hiện nay.

Tài liệu tham khảo

- Corder, S. P. (1967). The Significance of Learners' Errors. *International Review of Applied Linguistics in Language Teaching*, 5(4), pp. 161-170.
- 陈传俊 (2011). 《越南学生汉字偏误分析及教学策略》. 中央民族大学硕士学位论文. (Trần Truyền Tuấn (2011). Phân tích lỗi sai chữ Hán của sinh viên Việt Nam và chiến lược giảng dạy. Luận văn Thạc sĩ, Đại học Dân tộc Trung ương (Trung Quốc).)
- 陈慧玲、庄蕊珍 (2021). 《马来西亚非华裔生汉字笔画书写偏误分析——以玛拉工艺大学为例》. 《教育与教学研究》, 第3卷第1期, 第45 - 63页 (Trần Huệ Linh, Trang Nhụy Trân (2021). Phân tích lỗi sai trong viết nét chữ Hán của sinh viên không phải người Hoa tại Malaysia – Trường hợp Đại học Công nghệ MARA. *Tạp chí Nghiên cứu Giáo dục và Giảng dạy*, tập 3, số 1, tr. 45-63.)
- 崔永华 (2008). 《对外汉语教学设计导论》. 北京: 北京语言大学出版社 (Thôi Vĩnh Hoa (2008). *Dẫn luận về thiết kế giảng dạy tiếng Trung Quốc dành cho người nước ngoài*. Bắc Kinh: NXB Đại học Ngôn ngữ Bắc Kinh).
- Đỗ Khắc Tính, Trương Tư Triển (2023). Nâng cao hiệu quả giảng dạy chữ Hán cho sinh viên năm thứ nhất Trường Đại học Quốc tế Hồng Bàng. *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Quốc tế Hồng Bàng*, số 23, tr. 15-22.
- Nguyễn Thị Thu Trang, Phạm Thùy Dương (2015). Đổi mới phương pháp giảng dạy nhằm cải thiện kỹ năng viết chữ Hán của sinh viên Trường Đại học Thương mại. *Tạp chí Khoa học Đại học Quốc gia Hà Nội: Nghiên cứu Nước ngoài*, tập 31, số 3, tr. 64-70.
- Trần Thị Thu Hiền (2024). Nghiên cứu phương pháp giảng dạy chữ Hán cho sinh viên Trường Đại học Mở - Địa chất. Đề tài khoa học và công nghệ cấp cơ sở, Trường Đại học Mở - Địa chất.
- Vũ Thị Minh Thanh (2023). Nâng cao kỹ năng viết cho sinh viên học Tiếng Trung Quốc. *Tạp chí Thiết bị giáo dục*, tập 291, kỳ 2 tháng 6, tr. 38-39.